

Số: 62/2022/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 28 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 499/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: bà Lâm Thị X, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: ông Sơn Ngọc N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2022 thì bà Lâm Thị X tự nguyện nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000 đồng, ông Sơn Ngọc N tự nguyện nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000 đồng. Nhưng bà X và ông N có làm đơn xin miễn tiền án phí thuộc diện người cao tuổi. Vì vậy, Tòa án miễn toàn bộ án phí mà bà X và ông N mỗi người có nghĩa vụ nộp là 75.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Lâm Thị X, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh với ông Sơn Ngọc N, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Lâm Thị X và ông Sơn Ngọc N tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung tên:* Sơn Ngọc P, sinh ngày 09/02/1991 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Căn nhà cấp 4 gắn liền với đất do bà X đứng tên, tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bà X và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Tại phiên hòa giải bà X và ông N cho rằng không có, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* bà Lâm Thị X và ông Sơn Ngọc N được miễn nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Tòa án tỉnh;
- CCTHA huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh